

•

Jindřich Štreit & Eva Cao Thi

Việt nam Stories

•

aneb Jak se žije Vietnamcům v ČR

Cuộc sống của người Việt Nam tại Cộng hoà Séc

The Life of the Vietnamese Community in the Czech Republic

cz

vn

en

•

Obsah

1	Úvod	4
2	Vietnamci v pohybu	10
3	Vietnam stories	20
4	Autor fotografií	114
5	Projekt MIND	116
6	Zdroje	118

Mục lục

1	Mở đầu	4
2	Di cư của người Việt Nam	10
3	Vietnam stories	20
4	Tác giả	114
5	Dự án MIND	116
6	Tài liệu tham khảo	118

Table of Contents

1	Introduction	4
2	Vietnamese on the Move	10
3	Vietnam Stories	20
4	The Photographer	114
5	The MIND Project	116
6	Bibliography	118

Úvod

Mở đầu

Introduction

Vietnamské obchody a večerky bereme jako samozřejmost a navštěvujeme je prakticky obden. Málokdy se ale zamýšlíme nad tím, co dělají jejich majitelé po zavření.

Jak – a jestli vůbec – odpočívají? Jak vypadají jejich narozeninové oslavy a svatby? Jaké udržují rodinné tradice a mezilidské vztahy? Schází jim Vietnam?

Ačkoli jsme prakticky v dennodenním kontaktu, mnoho o sobě nevíme.

Tato brožura, která vznikla v rámci projektu MIND, se snaží přiblížit charakteristické rysy vietnamské kultury a jejich případné přeměny po příchodu do ČR.

A zároveň chce připomenout, jak nedílnou součástí naší společnosti i každodenní reality jsou lidé vietnamského původu a jejich příběhy.

Chúng ta coi các cửa hàng của người Việt như một điều tất nhiên và gần như ngày nào chúng ta cũng qua đó để mua hàng. Ít khi chúng ta nghĩ về việc họ làm gì sau giờ đóng cửa.

Họ có nghỉ ngơi không? Họ nghỉ ngơi như thế nào? Họ tổ chức sinh nhật và đám cưới ra sao? Họ duy trì những tục lệ gia đình và mối quan hệ xã hội nào? Họ có nhớ Việt Nam không?

Mặc dù chúng ta tiếp xúc với nhau gần như hàng ngày, nhưng lại không biết nhiều thứ về nhau.

Buổi triển lãm này, được tổ chức như một phần của dự án MIND, cố gắng mang lại cho người xem cái nhìn gần hơn về các nét đặc trưng của văn hoá Việt Nam và những thay đổi từ khi họ đến Cộng hoà Séc.

Đồng thời cũng muốn nhắc lại cho chúng ta rằng người Việt Nam và những câu chuyện của họ là một phần không thể thiếu trong xã hội và hoạt động thường ngày của chúng ta.

Visiting them practically every other day, we take Vietnamese shops and convenience stores for granted. However, we hardly ever wonder what their owners do after closing hours.

How do they spend their leisure time, if any? How do they celebrate birthdays and weddings? What are their family traditions and what are their relationships like? Do they miss Vietnam?

Even though we are in everyday contact, we don't know much about each other.

This brochure, produced in the framework of the MIND project, aims at presenting the typical features of the Vietnamese culture and the way they might have changed under the influence of life in the Czech Republic.

Simultaneously, it aims at stressing the fact that people of Vietnamese origin and their stories are an integral part of our society and everyday life.

Vietnamci mají rádi experimentování, ze kterého jim zůstane vzpomínka. Proto často navštěvují různé pouliční atrakce. V tomto případě jde o vzpomínku z dovolené.

Người Việt Nam thích những thử nghiệm mà để lại kỷ niệm cho họ. Vì thế họ hay đến thăm các cuộc vui chơi ngoài đường. Trong trường hợp này là một kỷ niệm từ kỳ nghỉ mát.

The Vietnamese enjoy experimenting, of which they like to keep a souvenir. That is why they often visit all kinds of street attractions. This particular photograph is a holiday souvenir.





Vietnamci se rádi udržují v kondici. Preferují lehčí sporty jako chození kolem jezera, golf nebo dnes populární jógu.

Người Việt rất thích rèn luyện sức khỏe của mình. Họ ưu tiên các môn thể thao nhẹ, ví dụ như đi dạo vòng quanh hồ, chơi golf hay là tập yoga, môn thể thao phổ biến hiện nay.

The Vietnamese like to stay fit. They prefer easier sports, such as walking around a lake, playing golf or practising yoga.

Vietnamci v pohybu

Di cư của người Việt

Vietnamese on the Move

Do začátku 90. let 20. století opouštěli Vietnamci zemi svých předků převážně ze dvou důvodů. Bud' jako uprchlíci (Boatpeople v 70. letech) nacházející útočiště především v USA, Kanadě, Austrálii, Novém Zélandu a v zemích západní Evropy, nebo jako studenti a dočasní pracovní migranti, kteří na základě mezivládních dohod pobývali v Evropě v členských zemích Rady vzájemné hospodářské pomoci. A to je i případ Vietnamců v ČR.

Cho đến đầu những năm 1990, người Việt rời bỏ vùng đất tổ tiên của mình đa số vì hai lý do sau. Một là như người tị nạn (Thuyền nhân năm 1970) tìm nơi ẩn trú chủ yếu là ở Hoa Kỳ, Canada, Úc, New Zealand và trong các nước Tây Âu. Hoặc như sinh viên và những người nhập cư lao động hiện nay sang dựa trên thỏa thuận liên chính phủ và đã cư trú tại Châu Âu và các quốc gia thuộc Hội đồng hỗ trợ kinh tế lẫn nhau. Và đây cũng là trường hợp của người Việt Nam sống tại Séc.

Before the early 1990s, the Vietnamese would leave their country mainly for the following reasons: To seek refuge in the USA, Canada, Australia, New Zealand and in Western Europe (like the Boat People in the 1970s), or to study and work temporarily in Europe based on intergovernmental agreements between member countries of the Council for Mutual Economic Assistance. This is the case for the Vietnamese in the Czech Republic.

S pádem východního bloku ale tento typ migrace mizí a v 90. letech nastává období více či méně dobrovolných přesunů. Ty jsou spíše než politicky motivovány ekonomicky.

V současnosti tedy většina Vietnamců opouští Vietnam s cílem zvýšit svůj životní standard nebo aby se znovu setkali se svými příbuznými v zahraničí.

Với sự sụp đổ Khối phương Đông, dạng di cư này biến mất và từ sau năm 90 ít nhiều số người di cư sang theo kiểu tự nguyện.

Hiện nay hầu hết những người Việt rời khỏi Việt Nam là vì lý do nâng cao mức sống hoặc đoàn tụ với người thân.

This type of migration, however, ceased to exist after the collapse of the Eastern block and took the form of a more or less voluntary change of residence in the 1990s. Rather than by politics, these changes are economically motivated.

At present, most Vietnamese leave Vietnam with the aim of improving their living standard or meeting their relatives living abroad.

Tři generace Vietnamců v ČR

Vietnamci v ČR, to nejsou jen majitelé večerek a podnikatelé ve středním věku. Jsou to i senioři, děti a dospívající, progresivní „youngsters“. Vyrůstá tu již třetí vietnamská generace.

První dočasní pracovní migranti přicházeli do Československa už v 50. letech. Od roku 1974 pak naše země (díky mezivládní dohodě členských zemí RVHP) zažívala značný nárůst. První generaci tedy tvoří Vietnamci narození ve Vietnamu, kteří k nám přišli už jako dospělí či adolescenti.

Takzvanou jedenapůltou generaci představují lidé narození ve Vietnamu, kteří do Česka přišli jako školou povinní a absolvovali zde i první stupeň základního vzdělání.

Do druhé generace pak počítáme ty, kteří se narodili imigrantům v Česku nebo přijeli do Česka ve věku do pěti let. Pro ně se zažil pojem banánové děti (asijský vzhled, evropská povaha).

A konečně třetí generace, to jsou potomci jedenapůlté nebo druhé generace. Ačkoli se tyto Vietnamci narodili již výlučně v ČR, vietnamská kultura pro ně stále mnoho znamená.

Pár důležitých čísel

Ke konci roku 2019 bylo v Česku registrováno k pobytu 61 952 občanů VSR (Vietnamské socialistické republiky) a dalších 3 264 obyvatel vietnamského původu získalo české státní občanství mezi lety 1994 a 2019.

Jak dnes tedy vypadá soukromý, pracovní a sváteční život vietnamské domácnosti v Česku? A jak moc se liší od toho ve Vietnamu?

Každé tříapůlté dítě se statusem cizince, které se narodí v Česku, je navíc občanem VSR. Od roku 1995 do roku 2019 se v Česku narodilo již 16 635 vietnamských dětí. Desítky dalších už české občanství mají.

V současnosti tedy může nyní v ČR pobývat celkem asi 70 000 obyvatel vietnamského původu. Jedná se o třetí největší cizineckou skupinu u nás.

Ba thế hệ người Việt Nam tại Cộng hoà Séc

Người Việt Nam sống tại Cộng hoà Séc không chỉ là chủ nhân của các cửa hàng tạp hoá và những người kinh doanh ở độ tuổi trung niên. Họ cũng là những người già, thanh thiếu niên và những người trẻ đang phát triển. Thế hệ thứ ba của người Việt đang lớn lên tại đây.

Những người di cư tạm thời đầu tiên đã đến Tiệp Khắc vào những năm 1950. Từ năm 1974 nước chúng ta (nhờ thỏa thuận liên chính phủ của Hội đồng hỗ trợ kinh tế lẫn nhau) đã trải qua một sự gia tăng đáng kể. Như vậy thế hệ đầu tiên bao gồm những người sinh ra ở Việt Nam và đến Cộng hoà Séc khi đã là người lớn hoặc khi mới qua 18 tuổi.

Thế hệ được gọi một rưỡi bao gồm những người sinh ra ở Việt Nam và đến Cộng hoà Séc để đi học và học qua trường học cơ sở ở đây.

Thế hệ thứ hai bao gồm những người sinh ra ở Cộng hoà Séc có bố mẹ thuộc thế hệ thứ nhất hoặc đã sang Séc lúc chưa đến 5 tuổi. Họ được gọi là "Banánové děti" (tạm dịch là trẻ chuối), những người có ngoại hình Châu Á và tính cách Châu Âu.

Và cuối cùng là thế hệ thứ 3, là con cái của thế hệ một rưỡi hoặc thế hệ thứ hai. Mặc dù những người này sinh ra ở Cộng hoà Séc, văn hoá Việt đối với họ vẫn rất quan trọng.

Các con số quan trọng

Vào cuối năm 2019, đã có 61 952 công dân của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đăng ký cư trú tại Cộng hoà Séc và từ năm 1994 đến 2019 có 3 264 cư dân gốc Việt khác nhận cuộc tịch Séc.

Ở Cộng hoà Séc? Nơi đây khác biệt với Việt Nam như thế nào? Mỗi đứa trẻ thứ 3,5 sinh ra tại Cộng hoà Séc với tư cách là người nước ngoài là công dân của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ năm 1995 đến năm 2019 (không có sẵn dữ liệu mới nhất), 16 635 đứa trẻ Việt Nam sinh ra tại Séc. Và hàng chục đứa trẻ khác đã có quốc tịch.

Hiện nay có khoảng 70 000 dân gốc Việt có thể sinh sống tại Cộng hoà Séc.

Three Generations of Vietnamese in the Czech Republic

The Vietnamese in the Czech Republic are not only convenience store owners and middle-aged businessmen. They include elderly people, children, teenagers and progressive youngsters. Currently, we are seeing a third generation growing up in the Czech Republic.

The first temporary workers came to Czechoslovakia as early as the 1950s. Since 1974, the number of newcomers had been increasing significantly (thanks to the intergovernmental agreement of the Council for Mutual Economic Assistance). The first generation of Vietnamese was thus formed by people born in Vietnam who came here as adults or adolescents.

People born in Vietnam who came to the Czech Republic as children and went to elementary school here are called the one-and-a-half generation.

The second generation is formed by children who were born to immigrants in the Czech Republic or who arrived here before the age of five. These people are called the Banana Children – Asian looks, European character.

The third generation are the descendants of the one-and-a-half or the second generation. Despite having been born in the Czech Republic, Vietnamese culture still means a lot to them.

A bit of statistics

By the end of 2019, 61.952 citizens of the Socialist Republic of Vietnam, plus another 3.264 inhabitants of Vietnamese origin acquired Czech citizenship between 1994 and 2019.

So how do Vietnamese people live their private and professional lives in the Czech Republic and what do their festivities look like? How much does life in Czech Republic differ from life in Vietnam?

One in 3.5 children born in the Czech Republic with the status of a foreigner is, in addition, a citizen of the Socialist Republic of Vietnam. As many as 16.635 Vietnamese children were born in the Czech Republic between 1995 and 2019. Dozens of others have already acquired Czech citizenship.

This means that, at present, there may be around 70.000 inhabitants of Vietnamese origin in the Czech Republic. They constitute the third largest group of foreign residents in the Czech Republic.

Slovníček vietnamštiny

Việt Kiều — obecný výraz pro Vietnamce, kteří žijí v zahraničí. Lidé žijící ve Vietnamu tak často říkají hlavně dětem narozeným v jiné zemi.

Mất gốc — negativní označení pro Vietnamce, kteří ztratili své kořeny.

Từ điển tiếng Việt

Việt Kiều — một thuật ngữ chung cho người Việt sống tại nước ngoài. Người Việt sống tại Việt Nam thường hay dùng từ này chủ yếu để nói về người Việt sinh ra ở nước ngoài.

Mất gốc — cách nói tiêu cực dành cho người Việt Nam đã mất gốc.

A bit of Vietnamese

Việt Kiều — a general term for the Vietnamese living abroad. It is used by people in Vietnam to refer mainly to children born in another country.

Mất gốc — a negative term for those Vietnamese who have abandoned their roots.

Ačkoli život v Česku do jisté míry postavení ženy ve vietnamské rodině proměnil, stále je větším požehnáním přivést na svět nejdříve syna. Na dívky se totiž odmalička nahlíží spíše jako na dcery budoucích tchyní.

Mặc dù cuộc sống ở Cộng hoà Séc đã phần nào đó thay đổi vị thế của người phụ nữ trong gia đình Việt, thế nhưng việc sinh con trai trước vẫn là sự ban phước lớn nhất. Ngay từ khi còn nhỏ con gái được xem là con gái của mẹ chồng tương lai nhiều hơn.

Despite the fact that life in the Czech Republic brought about certain changes to the position of women in the Vietnamese family, the birth of a son is still considered a true blessing. Already as children, girls are viewed more as daughters of their future mothers-in-law.





Zelený čaj se tradičně podává v každé domácnosti. Pijí ho převážně muži.

Chè xanh (theo truyền thống) được phục vụ trong mỗi gia đình, được uống chủ yếu bởi đàn ông.

Green tea is the traditional beverage, served in every household and drunk mainly by men.

Việt Nam Stories

Vietnamská kultura a každodenní realita jsou prokány tradicemi, zvyky a pravidly, které její příslušníci zodpovědně dodržují i po odchodu z rodné země.

To platí také pro Vietnamce v ČR. A to i přesto, že byli – zejména ti mladší – vystaveni vlivům zcela jiné, středoevropské kultury.

Việt Nam Stories

Văn hoá Việt và cuộc sống hàng ngày đan xen với truyền thống, phong tục và quy tắc, mà tất cả mọi người đều cố gắng tuân theo kể cả khi đã rời khỏi quê hương của mình.

Điều này cũng được áp dụng cho người Việt sống tại Séc. Mặc dù họ – đặc biệt là những người trẻ – bị ảnh hưởng bởi văn hoá hoàn toàn khác biệt, văn hóa Trung Âu.

Việt Nam Stories

The Vietnamese culture and everyday life are replete with traditions, customs and rules, which the Vietnamese practice even after leaving their homeland.

The same is true of the Vietnamese in the Czech Republic. Despite the fact that they (especially the younger ones) have been exposed to the influence of a culture as different from theirs as that of Central Europe.

Jak dnes tedy vypadá soukromý, pracovní a sváteční život vietnamské domácnosti?

jednu zemi, a přesto se vzájemně často považujeme za cizince.

Motivy ze života vietnamské diaspory můžete nahlédnout skrz objektiv předního dokumentárního fotografa Jindřicha Štreita. Vznikaly během jednoho roku a dovolují nám proniknout do domovů, prací i obřadních síní lidí, se kterými již desítky let sdílíme

Vậy cuộc sống riêng tư, công việc và ngày lễ của gia đình Việt sống tại Cộng hoà Séc ngày nay diễn ra như thế nào?

và vào cả hội trường nghi lễ của những người, mà chúng ta đã sống cùng trong một quốc gia mấy thập kỷ. Dẫu vậy chúng ta vẫn coi nhau như người nước ngoài.

Bạn có thể nhìn thấy những điểm đặc trưng của cộng đồng người Việt qua ống kính nhiếp ảnh gia tài liệu hàng đầu Jindřich Štreit. Tất cả mọi bức ảnh được chụp trong khoảng một năm và giúp chúng ta thâm nhập vào cuộc sống, nhà ở, nơi làm việc

So how do Vietnamese people live their private and professional lives and what do their festivities look like?

to the homes, workplaces and ceremony rooms of people with whom we have been sharing our country for decades but whom we still sometimes consider foreigners.

Peek into the life of the Vietnamese in diaspora through the lens of Jindřich Štreit, a leading documentary photographer. The photographs were taken within the period of one year. They take us

Vietnamci nemají rádi prach na podlaze. V některých domácnostech se zametá dvakrát denně.

Người Việt Nam không thích nền nhà bụi. Một số gia đình quét nhà hai lần một ngày.

The Vietnamese do not like dusty floors. In some households, floors are swept twice a day.





Dcery vždy pomáhají matkám s vařením. Matky ale většinou dávají dcerám jen drobné úkoly, nenechají je vařit celé pokrmy.

Con gái luôn luôn phụ mẹ trong bếp. Các mẹ chỉ thường giao cho con mình những nhiệm vụ nhỏ, không để họ nấu cả bữa.

Daughters always help their mothers with the cooking. However, the mother will usually let the daughter do the easy things and will never let her prepare the whole meal.

Hierarchie

Jak to chodí ve Vietnamu

Abychom lépe pochopili fungování tradiční vietnamské rodiny, musíme si uvědomit, jak důležité jsou pro Vietnamce mezilidské vztahy a vzdělání na jedné straně a vnitřní rodinná hierarchie na straně druhé.

Rodiče se velmi rádi chlubí tím, že jejich děti tráví většinu času ve škole a na doučování. S vyšším dosaženým vzděláním dětí se zlepšuje nejen jejich vlastní postavení ve společnosti, ale i prestiž jejich rodičů, kteří se těší uznání přátel a známých. Rodiče, kteří mají doma naopak neúspěšné studenty, se před známými vyloženě stydí.

Paradoxem ale je, že ačkoli rodiče tolik dbají na to, aby jejich děti dobře vystudovaly, získané životní zkušenosti pro ně mají větší váhu. V tradiční rodinné hierarchii se tak děti zpravidla podřizují rozhodnutí rodičů nebo přání širší rodiny.

Příběh z Česka

Mám nejvyšší vzdělání v rodině, jsem ustudovaná doktorka a pracuju v Praze v motolské nemocnici. Rodiče na mě odkazují své známé, vždy když mají nějaký problém, že jim pomůžu. Pokud ale oni sami řeší nějaký problém a přijdou za mnou, nikdy ho podle nich nevyřeším na 100 % dobře. Vždycky mají připravenou radu, jak to příště udělat lépe.

Mai, 29 let

Hệ thống cấp bậc

Ở Việt Nam

Để chúng ta hiểu rõ hơn cách sinh hoạt của một gia đình truyền thống Việt, chúng ta phải biết rằng, học vấn và quan hệ xã hội một bên và hệ thống phân cấp gia đình một bên quan trọng với người Việt như thế nào.

Cha mẹ rất thích khoe rằng con cái họ dành phần lớn thời gian ở trường và ở các lớp học thêm. Với học vấn cao không những chỗ đứng trong xã hội của chính họ được cải thiện mà cả uy tín của cha mẹ họ nữa, những người thích sự công nhận của bạn bè và người quen. Ngược lại nếu con cái họ học không giỏi, họ sẽ lại thấy xấu hổ trước người quen.

Nghịch lý ở đây là mặc dù cha mẹ rất quan tâm đến việc học hành của con cái, nhưng những kinh nghiệm trong cuộc sống còn có giá trị hơn đối với họ. Thế nhưng trong một gia đình truyền thống, con cái phải tuân theo quyết định và mong muốn của cha mẹ và họ hàng.

Câu chuyện từ Cộng hòa Séc

Tôi có trình độ học vấn cao nhất trong nhà, tôi có bằng tốt nghiệp bác sĩ và hiện tôi làm việc tại bệnh viện Motol. Cha mẹ tôi giới thiệu tôi với người quen của họ, để khi nào họ gặp vấn đề thì tôi còn giúp. Nhưng khi chính họ gặp vấn đề, thì theo họ tôi không bao giờ có thể giải quyết vấn đề đó đúng 100%. Họ luôn chuẩn bị sẵn một lời khuyên, lần sau tôi phải làm tốt hơn như thế nào.

Mai, 29 tuổi

Hierarchy

The Vietnamese way

To better understand life in a traditional Vietnamese family, we need to bear in mind the importance of education and relationships on the one hand and the family hierarchy on the other.

Parents like to boast about their children spending most of their time at school or in remedial classes. Higher degrees of education not only improve the status of the children themselves, but also build up the prestige of the parents, earning them the respect of their friends and acquaintances. Conversely, parents of unsuccessful students feel sincerely ashamed.

Paradoxically though, as much as the parents may care about their children getting a quality education, real-life experience is worth more in their eyes. In the traditional family hierarchy this requires the children to conform to the decisions of their parents or to the wishes of the wider family.

A story from Czechia

I have the highest degree of education in the family, I am a medical doctor and work in Prague in the Motol hospital. My parents refer their friends to me whenever they have a problem. However, if they themselves have a problem and come to see me, they are never perfectly happy with how I solve it. They always have advice at hand as to how to do it better next time.

Mai, 29

Slovníček vietnamštiny

Việt Xù — čeští Vietnamci. Tímto výrazem se občas navzájem označují Vietnamci žijící v ČR. Slovíčko nevzniklo překladem slova „český“, ale fonetickým odvozením koncové slabiky slova „Vietnamců“, kterou slyšeli od Čechů ve spojení se svou osobou.

Từ điển tiếng Việt

Việt Xù — người Việt sống tại Séc. Người Việt sống tại Cộng hòa Séc được gọi bằng thuật ngữ này. Từ này không phải là từ dịch của từ "český" (tạm dịch là "Séc"), mà là từ cách phát âm phần cuối của từ "Vietnamcủ" (tạm dịch là "Người Việt Nam"), mà họ hay được nghe khi người Séc gọi mình.

A bit of Vietnamese

Việt Xù — Czech Vietnamese. This term is sometimes used to refer to Vietnamese people living in the Czech Republic. The word is not a translation of the word "český" (Czech); it is a phonetic transcription of the genitive ending of the Czech word for "Vietnamese" (Vietnam-củ) used by Czechs to refer to the Vietnamese.

Karaoke

Jak to chodí ve Vietnamu

Pro Vietnamce je karaoke jednou z nejoblíbenějších kratochvílí, byť má částečně negativní obraz kvůli častým nelegálním obchodům, které se v některých karaoke barech domlouvají. I přesto toto společné zpívání nemůže chybět na žádné oslavě či party, Vietnamci karaoke často mají i doma a při každé příležitosti prozpěvují s kamarády.

Většina písniček je o lásce a rodném kraji, ale také o rozchodech, soudržnosti a úctě k rodině. A vždy jsou pro zpěváka náročné na výšku i rychlost.

Příběh z Česka

Rodiče si z naší poslední dovolené ve Vietnamu přivezli karaoke. Měli jsme na něj tři speciální kufry. Od té doby každou neděli zpívají společně s přáteli písničky, které znají z mládí.

Duong, 28 let

Karaoke

Ở Việt Nam

Đối với người Việt hát karaoke là một trong những thú vui yêu thích nhất của họ, dù một phần nào đó nó đem lại hình ảnh tiêu cực do cách giao dịch bất hợp pháp tại một số quán karaoke. Mặc dù vậy, việc hát hò cùng nhau không thể thiếu ở bất kỳ bữa tiệc nào. Người Việt cũng thường có bộ karaoke ở nhà và mỗi khi có dịp, họ sẽ hát cùng bạn bè.

Đa số các bài hát nói về tình yêu và quê hương, nhưng cũng có bài hát nói về sự tan vỡ trong tình yêu, sự gắn kết và cả về sự tôn trọng đối với gia đình. Và luôn đòi hỏi người hát điều chỉnh giọng lên cao và cả tốc độ.

Câu chuyện từ Cộng hòa Séc

Bố mẹ tôi mang bộ karaoke sang từ kỳ nghỉ cuối cùng ở Việt Nam. Chúng đã dành riêng ba vali để đựng bộ máy đó. Từ lúc đó, vào mỗi chủ nhật hàng tuần bố mẹ tôi cùng bạn bè của mình hát những bài từ thời thanh xuân của họ.

Dương, 28 tuổi

Karaoke

The Vietnamese way

Karaoke is one of the Vietnamese's most favourite pastimes. Despite the negative connotations of illegal business sometimes being arranged in karaoke bars, a party without this form of entertainment is unthinkable. A karaoke set can be found in many Vietnamese households, and the Vietnamese never miss an opportunity to enjoy a singing session with their friends.

Most songs are about love, the homeland, separation, solidarity and respect for the family, and they are always challengingly fast and high-pitched.

A story from Czechia

My parents bought a karaoke set on our last holiday to Vietnam. We needed three extra suitcases. Since then, they sing their favourite songs from their youth with their friends every Sunday.

Dương, 28

Karaoke je pro Vietnamce nezbytnou součástí závěru každé oslavy. Karaoke techniku využívají i doma a zpívají s přáteli do noci.

Đối với người Việt Nam karaoke là một phần không thể thiếu trong cuối mỗi bữa tiệc. Họ cũng sử dụng đầu karaoke ở nhà và hát với bạn bè đến đêm.

No Vietnamese party can end unless a karaoke session has taken place. Many Vietnamese have a karaoke set at home and sing with their friends long into the small hours of the night.





Vietnamci si užívají každé volné chvíly, kterou mají. Zejména muži, jelikož tráví doma nejméně času z rodiny.

Người Việt tận hưởng mọi thời gian rảnh rỗi mà họ có. Nhất là đàn ông, vì họ dành ít thời gian ở nhà nhất.

The Vietnamese enjoy every free moment they have. This applies especially to men, as they spend the least amount of time at home of the entire family.

Vzdělávání

Jak to chodí ve Vietnamu

Největší překážkou v růstu životní úrovně obyvatel Vietnamu je nedostačující kvalifikace. Velká část aktivních Vietnamců nemá vzdělání ani praxi. V celé zemi je navíc pouze 4,8 % vysokoškolsky vzdělaných obyvatel.

Ve školách je stále nejčastější studijní metodou takzvané memorování, které neučí studenty, jak své znalosti aplikovat v reálném světě. Absolventi tak často ze škol odcházejí bez jakékoli zkušenosti a jsou tedy pro zaměstnavatele nahraditelní.

I z toho důvodu se trh práce ve Vietnamu potýká se špatnými pracovními podmínkami, úplatky a dalším zneužíváním takto nekvalifikovaných zaměstnanců. Oficiální míra nezaměstnanosti je sice pouze 3 %, ale postihuje více než z poloviny mladé.

Příběh z Česka

Moje rodina ve Vietnamu patří k těm movitějším, i díky naší pomoci z ČR. Moje sestřenice a bratrance uystudovali vysoké školy. Všichni ale bojují s udržením práce. Můj bratranec dostal za minulý rok třikrát uyhazou.

*Tuan, 49 let
(první generace)*

Suůj první mobil jsem dostala jako odměnu za to, že jsem se dostala na čtyřleté gymnázium. Můj bratr má ale mobil už od sedmé třídy a nepustí ho z ruky ani u večeře, ani během učení. Rodiče mu to nezakazují. Učili jsme se totiž uždycky sami. Rodiče se zajímali jen o známky a uysuědčení, ne o to, zda látku opravdu chápeme.

Eva, 19 let

Giáo dục

Ở Việt Nam

Trở ngại lớn nhất trong việc nâng cao mức sống của người dân Việt Nam là thiếu trình độ chuyên môn. Phần lớn người Việt Nam không có học vấn và kinh nghiệm. Trên cả nước chỉ có tầm 4,8 % dân có bằng đại học.

Tại các trường học phương pháp học thường xuyên nhất vẫn là học thuộc, nhưng phương pháp này không dạy cho sinh viên cách áp dụng kiến thức của mình vào trong cuộc sống. Như vậy sinh viên ra trường mà không có một kinh nghiệm nào cả, do đó không thể thay thế các nhà tuyển dụng được.

Đó cũng là lý do thị trường làm việc ở Việt Nam đang phải đối mặt với điều kiện làm việc không tốt, hối lộ và cả lợi dụng những người không có trình độ chuyên môn nữa. Tỷ lệ thất nghiệp trung bình chính thức chỉ có 3 %, nhưng hơn một nửa của phần trăm này bao gồm người trẻ.

Câu chuyện từ Cộng hoà Séc

Gia đình ở Việt Nam của tôi thuộc gia đình khá giả, cả với sự giúp đỡ của chúng tôi tại Cộng hoà Séc. Anh chị em họ của tôi tốt nghiệp đại học, nhưng họ lại phải cạnh tranh để giữ được công việc của họ. Năm ngoái anh/em họ của tôi bị sa thải ba lần.

*Tuấn, 49 tuổi
(thế hệ thứ nhất)*

Tôi được nhận chiếc điện thoại đầu tiên như phần thưởng tôi đậu vào trường trung học cổ điển dạng 4 năm. Nhưng em trai tôi lại được dùng từ lúc học lớp 7 và không bao giờ rời được điện thoại kể cả đang ăn cơm chiều hay đang học bài. Bố mẹ tôi không cấm nó. Vì lúc nào chúng tôi cũng tự học cả. Bố mẹ chỉ quan tâm đến điểm số và giấy chứng nhận cuối năm, họ không quan tâm đến việc chúng tôi có thật sự hiểu bài hay không.

Eva, 19 tuổi

Education

The Vietnamese way

The biggest obstacle the inhabitants of Vietnam face improving their living standard is the lack of a qualification. A large proportion of the active Vietnamese population have neither qualification nor relevant work experience. Moreover, a mere 4.8 % of the country's population have a university degree.

The prevailing teaching method is memorizing, students are not taught to use their knowledge in the real world. Graduates often leave school without any relevant experience and thus they are easily replaceable in the employer's eyes.

This contributes to the deplorable working conditions in the Vietnamese job market; bribery and abuse of unqualified workers is common. The official unemployment rate is only 3 %, but more than half of the unemployed are young people.

A story from Czechia

My family in Vietnam are pretty well-off, thanks to, among others, the support from us in the Czech Republic. All my cousins have a university degree, but they still struggle to keep their jobs. One of my cousins was fired three times last year.

*Tuan, 49
(first generation)*

I got my first mobile phone as a reward for having been accepted into a secondary school around the age of 15. My brother, however, has had his own mobile phone since the seventh grade, and won't even put it away at the table or when doing his homework. My parents don't object. We always had to prepare for school on our own. Good marks and report cards were the only thing that mattered to our parents. They didn't care if we understood what we were studying.

Eva, 19

Slovníček vietnamštiny

Quê quán — pokud se někdo zeptá Vietnamce na quê quán, myslí tím provincií původu. Vietnamci se takto hlásí k místům, ve kterých se narodili jejich rodiče. Pořádají i oslavy Nového lunárního roku, dne žen a dětí pro Vietnamce ze stejného kraje.

Kromě provincie původu se Vietnamci v ČR sdružují i na základě českých okresních měst, ve kterých či poblíž kterých bydlí (tzn. Litoměřice, Roudnice nad Labem...).

Từ điển tiếng Việt

Quê quán — nếu ai hỏi người Việt về quê quán, thì họ đang hỏi về tỉnh gốc của người đó, tức là nơi sinh ra của bố mẹ. Hàng năm họ sẽ tổ chức cho những người thuộc vùng đó các ngày lễ như Tết Nguyên Đán, Ngày Quốc Tế Phụ Nữ, v.v. Ngoài việc

cùng quê quán, người Việt ở Séc cũng hay tụ họp liên kết với những người ở cùng vùng, huyện, thành phố của Séc (ví dụ như các thành phố Litoměřice, Roudnice nad Labem...).

A bit of Vietnamese

Quê quán — If anybody asks a Vietnamese person about their quê quán, they want to know which province they come from. The term is used it to refer to the place where their parents were born. The Vietnamese organise Lunar New Year as

well as women's and children's day celebrations for Vietnamese people from the same region. In addition, the Vietnamese in the Czech Republic convene based on the towns they live in or near to (Litoměřice, Roudnice nad Labem etc.).

Vietnamci druhé generace častokrát vyrůstají s mobilem v ruce, což se čím dál více projevuje negativně na jejich známkách.

Người Việt thuộc thế hệ thứ hai thường lớn lên với chiếc điện thoại trên tay, điều đó càng ngày càng phản ánh tiêu cực đến điểm số của họ.

Many second-generation Vietnamese literally grow up with their mobiles in their hands, which has an increasingly negative impact on their school marks.





Mladí Vietnamci v Česku často umí velmi málo vietnamsky. Vlivem používání mobilů je stále častější, že Vietnamci ovládají lépe angličtinu než vietnamštinu.

Người Việt trẻ sống ở Cộng hoà Séc thường biết rất ít Tiếng Việt. Do sử dụng điện thoại di động, nên họ nói Tiếng Anh giỏi hơn Tiếng Việt.

Many young Vietnamese in the Czech Republic have a very poor knowledge of Vietnamese. Due to the frequent use of mobile phones, the Vietnamese often speak better English than Vietnamese.

Remittance

Jak to chodí ve Vietnamu

Od té doby, co Vietnam otevřel své hranice mezinárodnímu obchodu, se stal relativně politicky i ekonomicky stabilní zemí. To je ale doprovázeno omezením svobody slova, tisku, názorů, shromažďování a volného přístupu k informacím. Státní propaganda je každodenní realitou. Rozdíl mezi střední a vyšší třídou se navíc stále zvětšuje, a není proto divu, že roste i nespokojenost ekonomicky slabší populace.

Určitou úlevou pro obyvatele Vietnamu jsou peníze, které domů posílají emigranti – tedy ti, kteří odešli kvůli zvýšení životní úrovně za hranice. Takzvané remitence představují dokonce 6,5 % HDP.

Bohužel rodiny pracovníků tyto finance z velké části používají na splacení dluhu, který jim vznikl právě výše zmíněným výjezdem ze země. V roce 2004 například remitence doputovaly pouze k 1,5 % domácností z té nejchudší pětiny vietnamské populace.

Příběh z Česka

Žiju v Čechách už třicet let. Ve Vietnamu mám celou rodinu, přesto bych se tam nikdy neurátil. Posílám domů peníze, protože vím, že to ve Vietnamu není jednoduché. A mám černé svědomí, že mám jednodušší život než moje rodina.

Son, 50 let

Tiền kiều hối

Ở Việt Nam

Kể từ khi Việt Nam mở biên giới cho thương mại quốc tế, Việt Nam đã trở thành nước tương đối ổn định về chính trị và kinh tế. Nhưng điều đó cũng đồng nghĩa với các hạn chế trong tự do ngôn luận, báo chí, quan điểm ý kiến, thu thập và truy cập các thông tin miễn phí. Tuyên truyền nhà nước xảy ra hàng ngày. Ngoài ra, khoảng cách giữa tầng lớp trung lưu và thượng lưu càng ngày càng lớn hơn, nên không có gì đáng ngạc nhiên khi sự bất mãn của dân số yếu hơn về kinh tế cũng tăng theo.

Một sự cứu cánh nhất định đối với người Việt Nam là tiền gửi về nhà của những người di cư – tức là những người đã rời khỏi quê hương của mình để nâng cao mức sống. Tiền kiều hối này chiếm tới 6,5 % GDP.

Đáng tiếc là gia đình của các công nhân dùng tiền này để trả khoản nợ, mà họ phải vay để có thể di cư ở nước ngoài. Ví dụ vào năm 2004 tiền kiều hối chỉ đến 1,5 % gia đình thuộc nhóm nghèo nhất trong cả năm nhóm của dân số Việt.

Câu chuyện từ Cộng hòa Séc

Tôi ở Séc được 30 năm rồi. Tôi có cả gia đình ở Việt Nam, nhưng kể cả vậy tôi cũng không bao giờ muốn quay lại đó. Tôi gửi tiền về nhà, vì tôi biết ở Việt Nam khó khăn. Và tôi bị lương tâm cắn rứt khi tôi có một cuộc sống dễ dàng hơn ở nhà.

Sơn, 50 tuổi

Remittances

The Vietnamese way

Since Vietnam has opened up to international trade, it has become relatively politically and economically stable. The price to pay for this stability is restriction to freedom of speech, press, and opinion, also freedom of assembly and free access to information. State propaganda is an everyday reality. Moreover, the gap between the middle and the higher class keeps growing, and it comes as no surprise that the dissatisfaction of the lower income population is growing as well.

The money sent to Vietnam by emigrants – those who moved abroad to improve their living standard – is a partial relief. Remittances represent as much as 6.5 % of GDP.

Unfortunately, the emigrants' families use most of this money to pay off the costs of moving to another country. For example, in 2004, only 1.5 % of the poorest fifth of the Vietnamese population received remittance.

A story from Czechia

I have been living in Czechia for 30 years. My whole family lives in Vietnam; yet, I would never return there. I send money home because I know life in Vietnam isn't easy. And I feel bad for living an easier life than my family.

Son, 50

Vietnamci mají rádi určitý režim. Ngủ trưa (siesta) patří mezi zvyky, které si přivezli z Vietnamu i do České republiky.

Người Việt Nam thích theo một chế độ nhất định. Trong đó ngủ trưa là một thói quen, họ mang từ Việt Nam sang Séc.

The Vietnamese like their routines. Ngủ trưa (siesta) is one of the habits they have brought from Vietnam to the Czech Republic.





I mladší generace
Vietnamců si dopřávají
odpolední spánek
(Ngủ trưa).

Cả thế hệ trẻ đều tận
hưởng giấc ngủ trưa.

Even the younger
generation like their
afternoon nap
(Ngủ trưa).

Siesta

Jak to chodí ve Vietnamu

Ve Vietnamu si všechny generace potrpí na pravidelnou siestu (Ngủ trưa), tedy odpolední spánek. K obědu se často sejde celá rodina, společně se najedí a pak si všichni na chvíli zdřímnou. Teprve potom se zase rozprchnou zpět do práce. Není ale výjimkou, že ti, kteří z práce nemohou odejít, si dají siestu přímo v zaměstnání.

Příběh z Česka

Naši bydlí v malém městě na severu Čech. Mají malý obchod s potravinami, kde se střídají. Můj táta otevírá u pět ráno, do obchodu si k snídani nosí zbytky od večere. V deset ráno ho vystřídá mamka. Táta si doma dá připravený oběd a potom si jde na dvě hodiny lehnout. Máma se musí bez siesty obejít, protože jde domů až ve čtyři, aby mohla uvařit večeři. V šest jdou společně na procházku, u sedm se navečeří a v deset chodívají spát.

Ngoc Anh, 30 let

Giấc ngủ trưa

Ở Việt Nam

Ở Việt Nam tất cả các thế hệ đều ưa chuộng những giấc ngủ trưa đều đặn. Cả gia đình sẽ tụ tập ăn trưa cùng nhau và sau đó tất cả mọi người đi ngủ trưa. Sau đó họ mới phân tán trở lại với công việc của mình. Những người đi làm và không thể về nhà lúc trưa, họ cũng không phải là ngoại lệ, họ sẽ ngủ luôn tại chỗ làm.

Câu chuyện từ Cộng hoà Séc

Bố mẹ của tôi ở một thành phố nhỏ ở phía bắc Séc. Họ có một cửa hàng tạp hoá nhỏ và thay nhau làm việc ở đó. Bố tôi mở cửa lúc 5 giờ sáng, ông đem đồ ăn thừa từ bữa tối đến để ăn sáng. Lúc 10 giờ mẹ tôi đến thay ca. Bố tôi về nhà ăn trưa đã được chuẩn bị sẵn và sau đó ông nằm ngủ khoảng 2 tiếng. Mẹ tôi phải chịu không có giấc ngủ trưa, vì đến 4 giờ chiều mẹ tôi mới được về nhà, để nấu cơm tối. Lúc 6 giờ chiều họ cùng nhau đi dạo, lúc 7 giờ ăn tối và đi ngủ lúc 10 giờ.

Ngoc Anh, 30 tuổi

Siesta

The Vietnamese way

All the generations in Vietnam like their little siesta – ngủ trưa, the afternoon nap. The entire family often meets to eat lunch together. Then, everybody has a doze. Only then do they go back to work. It is not uncommon for those who cannot leave the workplace to have their siesta at work.

A story from Czechia

My parents live in a small town in Northern Bohemia. They run a small convenience store, which they take turns to operate. At 5 AM, my Dad opens the store, where he eats his breakfast – leftovers from dinner. At 10 AM, my Mum takes over. At home, Dad eats the lunch that Mum has prepared for him and takes a 2-hour nap. Mum has to do without a siesta. She goes home at 4 PM to prepare dinner. At 6 PM, they go for a walk together, eat dinner at 7 PM and go to bed at 10 PM.

Ngọc Anh, 30

Slovníček vietnamštiny

Dịch vụ — osoby či firmy, které se zabývají zprostředkovatelskými činnostmi. Dịch vụ je nepostradatelný nástroj fungování vietnamské společnosti kdekoliv na světě, včetně Česka. Tito „úředníci“ zařizují Vietnamcům vše od dokladů,

víz až po návštěvy u doktorů či třídní schůzky. Vietnamci jsou obecně zvyklí na to, že čím dražší cena služby, tím lepší výsledek, z čehož samozřejmě dịch vụ profitují.

Từ điển tiếng Việt

Dịch vụ — cá thể hoặc công ty làm việc trong lĩnh vực dịch vụ trung gian. Dịch vụ là một công cụ không thể thiếu cho hoạt động xã hội người Việt tại bất cứ nơi đâu trên toàn thế giới, kể cả Cộng hòa Séc. Những người này có thể lo cho người Việt tất

cả mọi thứ từ giấy tờ, visa cho đến việc đi khám bác sĩ hoặc đi họp phụ huynh. Người Việt Nam quen với việc dịch vụ mà càng đắt thì kết quả sẽ càng tốt, tất nhiên những người làm dịch vụ lời từ đó.

A bit of Vietnamese

Dịch vụ — intermediaries (individuals or companies). Dịch vụ are indispensable for the Vietnamese community the world over, including in the Czech Republic. These middlemen take care of everything – from getting one’s papers and visas to arranging

medical appointments or parent-teacher meetings. In general, the Vietnamese believe that the higher the price of the service, the better the result. Of course, Dịch vụ take advantage of that.

Děti jsou často v obchodech jako doma. Mají v nich udělaný druhý pokojíček, kde si hrají a přišou úkoly, a ve vyšším věku pomáhají rodičům.

Trẻ em thường ở cửa hàng như ở nhà. Chúng có cả phòng ngủ thứ hai, nơi họ chơi, học bài và khi lớn hơn nữa thì họ giúp đỡ bố mẹ mình.

Shops are often a second home for the children. They include a child's room where the kids can play and do homework. When they get a bit older, they help their parents in the shop.





Hlavně s úsměvem.
To, jak si Vietnamci
vydělávají peníze a jaký
mají skutečně život v Česku,
častokrát nikdo z rodiny
ve Vietnamu neví.

Quan trọng nhất là nụ
cười. Nhiều khi không ai
trong gia đình biết họ kiếm
tiền thế nào, cuộc sống
của họ ở Séc ra sao.

Life is always better with
a smile. The family in
Vietnam is often unaware
of what it takes to live
and earn one's living
in the Czech Republic.

Iluze Západu

Jak to chodí ve Vietnamu

Když se Vietnamci, žijící v ČR, chystají navštívit své příbuzné ve Vietnamu, vždy s sebou vezou plné kufry dárků. Většinou jsou to věci, které jsou symbolem Západu – Kinder čokolády, žvýkačky Orbit, parfém, alkohol a samozřejmě peníze. Rodina tak často žije v představě, že příbuzní si „na Západě“ žijí jako králové. První otázka, kterou jim pokládají, proto bývá: „Kolik si vyděláváš? To musí být hodně.“

Realita je ale často zcela jiná. Mnoho Vietnamců v ČR vykonává velmi náročnou práci za výtěžek, který až tak ohromující není. To se ale nikdo z rodiny nedozví, aby iluze Západu zůstala neporušená.

Příběh z Česka

Celý svůj život pracuju. Ve Vietnamu jsem dodělal 8. třídu a potom jsem začal pracovat na poli. Do Česka jsem přijel v rámci úměnného pobytu mezi tehdejšími Československem a Vietnamem. Bylo to těžké, ale krásné. Poprvé jsem žil sám. Brzy jsem ale založil rodinu a teď pracuju stejně tvrdě jako ve Vietnamu. Neumím žít jinak.

Tien, 50 let

Ảo tưởng về phương Tây

Ở Việt Nam

Khi người Việt sống tại Cộng hoà Séc đang chuẩn bị về thăm người thân của mình ở Việt Nam, lúc nào họ cũng mang vali đầy quà. Thường là những thứ tượng trưng cho Tây – sô cô la Kinder, kẹo cao su Orbit và đương nhiên là tiền. Vì thế nhiều khi gia đình cứ tưởng họ hàng “sống ở Tây như ông bà hoàng”. Câu hỏi đầu tiên họ thường hỏi là: “Thu nhập kiếm được là bao nhiêu? Chắc phải nhiều lắm”.

Nhưng thực tế lại hoàn toàn khác. Nhiều người Việt sống ở Séc phải làm việc vất vả để kiếm một khoản tiền cũng không phải là cao. Nhưng điều đó sẽ không có ai trong gia đình biết, để những ảo tưởng về phương Tây được giữ nguyên vẹn.

Câu chuyện từ Cộng hoà Séc

Tôi làm việc cả đời. Ở Việt Nam tôi học hết lớp 8 và sau đó tôi làm nông. Tôi đến Séc như một phần của cuộc trao đổi giữa Việt Nam và Tiệp Khắc thời đó. Khoảng thời gian đó khó khăn, nhưng đẹp. Lần đầu tiên tôi ở một mình. Tôi đã sớm lập gia đình và bây giờ tôi làm việc mệt nhọc như ở Việt Nam. Tôi không biết cách sống khác.

Tiến, 50 tuổi

The Illusion of the West

The Vietnamese way

When Vietnamese people living in the Czech Republic pay a visit to their relatives, they always take trunks of gifts with them. These are mostly items symbolising the West – Kinder chocolates, Orbit chewing gums, perfumes, alcohol, and, of course, money. This often gives the family the idea that their relatives “in the West” live like kings. Therefore, the first question they ask is usually: “How much do you earn? A lot, right?”

This, however, is often not the case. Many Vietnamese in the Czech Republic work very hard for salaries which are not that impressive. Nevertheless, this is something to be concealed from the family to keep the illusion of the West intact.

A story from Czechia

I've been working all my life. I finished the eighth grade in Vietnam and started to work in the field. I came to Czechoslovakia through an exchange program. It was hard but beautiful. For the first time, I lived alone, but soon I started a family and now I work just as hard as I did in Vietnam. I cannot live otherwise.

Tiến, 50

Peníze v obálce

Jak to chodí ve Vietnamu

Tradičním dárkem pro děti k oslavám Nového lunárního roku jsou peníze v červené obálce (Tiền mừng tuổi). Zajímavé je, že lidé tento dárek dávají nejen dětem, ale také svým prarodičům a příbuzným v důchodu. Obdarovávají se tak většinou sociální skupiny, které se o sebe zatím a nebo už nedokážou samy postarat.

Děti ale za svůj život obdrží i mnoho dalších, tentokrát bílých obálek s penězi. Svou první dostanou už při oslavách prvního měsíce života, poté o narozeninách a při dalších důležitých životních milnících (maturita, vysvědčení...). S přibývajícím věkem dítěte se četnost příležitostí, při kterých si vyslouží obálku, snižuje a dospělí ji už dostávají pouze při svatbě nebo když se jim narodí dítě.

Příběh z Česka

Já osobně se darování peněz vyhýbám. Snažím se dávat dárky. Výjimkou jsou ale cesty do Vietnamu, kam vždy vezu obálky.

Lan Anh, 32 let

Tiền trong phong bì

Ở Việt Nam

Món quà truyền thống cho trẻ em trong dịp Tết Nguyên Đán là tiền trong phong bì màu đỏ, còn gọi là tiền mừng tuổi. Điều thú vị ở đây là món quà này không chỉ dành cho trẻ em mà cả cho người lớn như ông bà và người thân đã nghỉ hưu. Như vậy phong bì này dành cho những người chưa hoặc không thể chăm sóc, lo cho bản thân mình được nữa.

Trong cuộc sống của mình trẻ em được nhận nhiều phong bì khác nữa, nhưng lần này là phong bì màu trắng. Chúng được nhận phong bì đầu tiên của mình trong dịp kỉ niệm tháng đầu tiên của mình, sau đó là vào những dịp sinh nhật hoặc vào các dịp quan trọng trong cuộc sống (tốt nghiệp, bằng điểm tốt...). Càng lớn hơn họ càng được nhận ít phong bì hơn, người lớn chỉ được nhận phong bì trong đám cưới của mình hoặc khi mới sinh con.

Câu chuyện từ Cộng hòa Séc

Riêng bản thân tôi luôn tránh việc cho tiền. Tôi luôn cố gắng tặng quà. Các chuyến đi về Việt Nam là trường hợp ngoại lệ, tôi luôn mang phong bì về.

Lan Anh, 32 tuổi

Money in an Envelope

The Vietnamese way

A traditional gift for children at the occasion of the Lunar New Year is money in a red envelope (Tiền mừng tuổi). This is a typical gift not only for children, but, interestingly, also for grandparents and retired relatives. This gift is mostly intended for those social groups not capable of sustaining themselves yet – or anymore. Throughout their lives however, children get many more such envelopes – this time white ones. They receive their first one at the celebration of their first month, as a kind of a birthday present and at all other life milestones (end of the school year, graduation etc.). As the child grows older, the number of opportunities to receive an envelope decreases. Grown-ups only get an envelope at their wedding or after childbirth.

A story from Czechia

Personally, I avoid giving money as a gift. I prefer presents. The exceptions are my trips to Vietnam. I always take envelopes there.

Lan Anh, 32

Vietnamci milují dekorace. Kromě květin zdobí prostor balonky, papírovými ozdobami a nápisy. A to i když má oslavu dospělý.

Người Việt Nam thích việc trang trí. Ngoài việc sử dụng hoa, họ còn trang trí không gian bằng bóng bay, đồ trang trí bằng giấy và chữ. Ngay cả khi bữa tiệc đó dành cho người lớn.

The Vietnamese love decorations. Apart from flowers, their favourite ones include balloons, paper decorations and writings. No party can do without them, including parties for adults.





Đầy tháng – oslavy prvního měsíce potomka. První měsíc je první příležitost, kdy se rodiče mohou pochlubit dítětem. Tato tradice pochází z dob, kdy dětská úmrtnost byla velmi vysoká a oslavoval se nejkritičtější první měsíc života dítěte.

Đầy tháng – bữa tiệc kỷ niệm tháng đầu tiên của con cháu. Tháng đầu tiên là cơ hội để cha mẹ khoe con của mình. Truyền thống này bắt nguồn từ thời điểm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh rất cao và kỷ niệm tháng đầu là quan trọng nhất trong cuộc đời của đứa trẻ.

Đầy tháng – celebration of a baby's first month. The first month celebration is the first occasion the parents can proudly introduce their baby to others. This tradition has its roots in the times when child mortality rates were very high and the first month of the baby's life was critical.

Zasedací pořádek

Jak to chodí ve Vietnamu

Zasedací pořádek je na vietnamských oslavách jasně daný – stoly jsou rozdělené na muže, ženy, děti a nezadané. Je zde také zřejmý velký generační rozdíl v chování mužů k ženám, a naopak.

Mladí a bohatší Vietnamci a Vietnamky jsou velmi moderní a umí se bavit společně. Starší generace Vietnamců a Vietnamci žijící mimo velká města ale žijí stále podle starých pravidel.

Ženy se baví s ženami o rodině, dětech a kráse. Muži většinou moc nemluví, spíš pijí a jedí. Pokud se muži a ženy náhodou baví společně, řeč je pouze o penězích, dětech a práci.

Příběh z Česka

Nemám přítele ani manžela. Sedím tedy na každé oslavě s dětmi, které jsou o generaci mladší. Upřímně jsem ale ráda, že nemusím sedět s dospělými.

Huong, 29 let

Nguyên tắc sắp xếp chỗ ngồi

Ở Việt Nam

Nguyên tắc sắp xếp chỗ ngồi tại các bàn tiệc được bố trí rõ ràng – bàn dành riêng cho đàn ông, phụ nữ, trẻ con và người chưa có gia đình. Chúng ta cũng có thể thấy rõ sự khác biệt lớn trong cách cư xử của mỗi thế hệ, của đàn ông với phụ nữ và ngược lại.

Thế hệ trẻ rất hiện đại và họ có thể nói chuyện vui chơi với nhau. Thế hệ người Việt cao tuổi và người Việt sống vùng thôn quê, đa số họ vẫn sống theo lối cũ cổ truyền.

Phụ nữ hay nói chuyện với nhau về gia đình, con cái và làm đẹp. Đàn ông thường không nói chuyện nhiều, họ tập trung vào việc ăn uống hơn. Nếu phụ nữ và đàn ông tình cờ nói chuyện với nhau, thì họ chỉ nói về tiền bạc, con cái và công việc.

Câu chuyện từ Cộng hòa Séc

Tôi không có người yêu cũng không có chồng. Vì thế nên tại các bữa tiệc tôi ngồi cùng với trẻ con nhỏ hơn tôi một thế hệ. Nhưng thực ra tôi thấy vui, vì không phải ngồi cùng với người lớn.

Huong, 29 tuổi

Seating Order

The Vietnamese way

The seating order at Vietnamese ceremonies is fixed – there are separate tables for men, women, children and single people. There's a big difference in the way men behave towards women and vice versa across generations.

Young and high-income Vietnamese men and women are very modern and get together. Elderly Vietnamese living outside big cities still abide by the old rules.

Typical women's topics include family, children and beauty. Men prefer eating and drinking to talking. If by any chance men and women talk with each other, they discuss money, children and work.

A story from Czechia

I have neither a boyfriend, nor a husband. Thus, at every party, I sit with the children one generation younger than me. To be honest, I'm glad I don't have to sit with adults.

Hương, 29

Oslavy jara jsou příležitostí k setkání Vietnamců ze stejného kraje.

Lễ mừng xuân là cơ hội của người Việt gặp gỡ những người cùng vùng miền.

The spring celebration is an occasion to meet Vietnamese people from the same region.





Zasedací pořádek na oslavách je jasný. Stoly jsou rozdělené na ženy, muže, děti a nezadané.

Nguyên tắc sắp xếp chỗ ngồi trong các bữa tiệc được bố trí rõ ràng. Chỗ dành riêng cho phụ nữ, đàn ông, trẻ con và những người chưa có gia đình.

The seating order at Vietnamese ceremonies is fixed. There are special tables for women, men, children and single people.

Muži tradičně zapíjejí jídlo tvrdým a dražším alkoholem, jako je finská vodka, Hennessy, a nebo pivem.

Đàn ông thường nhâm nhi đồ ăn cùng rượu mạnh và đắt tiền như rượu vodka Phần Lan, Hennessy hoặc bia.

Traditional men's drinks include expensive liquor such as Finnish vodka or Hennessy and beer.





Na tanečním parketě muži tančí s muži a ženy s ženami. Jedině to je považováno za slušné chování.

Trên sàn nhảy thường đàn ông nhảy với nhau và phụ nữ nhảy với nhau, như vậy mới được coi là tử tế.

On the dance floor, men dance with men while women dance with women. That is the only appropriate manner.

Svatba

Jak to chodí ve Vietnamu

Na svatbu (Đám cưới) se ve Vietnamu zve celá vesnice nebo sousedství. Tradičním dárkem jsou peníze v obálce, hmotné dary se dávají k nepoznání, výrazný je hlavně bílý pudr, červené rty a dlouhé řasy. V posledních letech se hlavně bohatší rodiny inspiroují Západem, a to jak v oblečení a make-upu nevěsty, tak v pokrmech, dekoracích, barvách i květinách. Takové svatby jsou pak elegantnější a méně křiklavé než tradiční vietnamská veselka.

Příběh z Česka

Můj muž je Čech. Měli jsme tedy svatby dvě. Odpoledne jsme měli tradiční český obřad s oddávajícím a focení na Karlově mostě. Poté přišel vietnamský obřad u Sapě. Měli jsme dvě stě hostů, většinu pozvali rodiče. Já jsem znala deset lidí. Byl to velmi dlouhý den, jsem ráda, že se svatba zaplatila z darů hostů.

Trang Anh, 27 let

Đám cưới

Ở Việt Nam

Cả làng hoặc khu phố được mời đến dự đám cưới. Qua cưới theo truyền thống là tiền trong phong bì, ít khi người ta tặng món quà vật chất. Cô dâu lúc nào cũng được trang điểm và chải chuốt kỹ lưỡng đến mức khó mà nhận ra cô ấy, nét đặc trưng là phấn trắng, môi đỏ và lông mi dài. Vào những năm gần đây, mọi người, chủ yếu là các gia đình giàu có lấy cảm hứng từ phương Tây, từ cách ăn mặc, trang điểm cô dâu, đến các món ăn, cách trang trí và cả chọn màu sắc nữa.

Câu chuyện từ Cộng hoà Séc

Chồng tôi là người Séc, nên chúng tôi tổ chức hai đám cưới. Buổi chiều chúng tôi tổ chức lễ cưới truyền thống của Séc và buổi chụp ảnh trên cầu Charles. Sau đó đến nghi thức của Việt Nam tại Sapa. Chúng tôi đã có 200 khách, đa số do bố mẹ mời đến. Tôi chỉ quen biết 10 người thôi. Đó quả thực là một ngày dài và tôi rất vui vì đám cưới đó được trả bằng tiền mừng của khách mời.

Trang Anh, 27 tuổi

Wedding Ceremony

The Vietnamese way

In Vietnam, the whole village or neighbourhood is invited to the wedding (Đám cưới). The traditional gift is money in an envelope; actual presents are very rare. The bride is always spectacularly made-up, with white powder, red lips, and long eye-lashes. In recent years, mainly high-income families get inspired by the West, both in terms of the bride's gown and in terms of meal, decorations, colours and flowers. Such wedding ceremonies are more elegant and less flashy than the traditional Vietnamese wedding.

A story from Czechia

My husband is Czech. That's why we had two weddings. In the afternoon, there was a traditional wedding with a wedding registrar and a photo session at Charles bridge. After that, there was a celebration in the Sapa commercial and cultural centre. There were 200 people, most of them invited by my parents. I only knew ten of them. It was a very long day, and I'm glad that the gifts from the guests covered the costs.

Trang Anh, 27

Slovníček vietnamštiny

Món đặc biệt — tradiční jídla, která se podávají při oslavách (např. lunární rok, narozeniny, první měsíc potomka...). Obvykle to je slepice vařená v kurkumě (aby měla slavnostní zlatou barvu), lepkavá sladká

a slaná rýže, vietnamská šunka z vepřového masa či vnitřnosti nebo polévka se skleněnými nudlemi a houbami.

Từ điển tiếng Việt

Món đặc biệt — món ăn truyền thống được nấu trong những ngày quan trọng (như Tết Nguyên Đán, sinh nhật, đầy tháng...). Một trong những món

đó là gà luộc với nghệ (để con gà có màu vàng), xôi ngọt và mặn, giò hoặc nội tạng và canh miến nấu với nấm.

A bit of Vietnamese

Món đặc biệt — traditional festive meals served at the occasion of the New Lunar Year, birthday, baby's first month etc. They usually include hen cooked in turmeric, a spice which gives it the festive

colour of gold, sticky rice both sweet and salty, Vietnamese pork ham or offal and soup with glass noodles and mushrooms.

Budoucí ženich jde požádat rodiče své nastávající o ruku a přináší dary.

Chú rể tương lai mang quà đến và xin phép bố mẹ vợ tương lai cho cưới.

The bridegroom comes to ask for the hand of his future wife, bringing presents.





Tradiční svatební ceremonie v Sapě. Počet hostů je vždy minimálně dvě stě, náklady se novomanželům ale vždy vrátí díky finančním darům od hostů.

Lễ cưới truyền thống ở Sapa. Số lượng khách mời lúc nào cũng nhiều hơn 200, mọi chi phí sẽ được trả lại cho cô dâu chú rể bằng tiền mừng của khách mời.

A traditional wedding ceremony in Sapa. The number of guests is always at least 200, but the costs are always covered by the financial gifts.

Ženich a nevěsta se modlí
k zesnulým a předkům
a přejí si úspěšný start
do manželství.

Cô dâu và chú rể cầu
nguyện người quá cố và
tổ tiên của mình với mong
muốn có một cuộc hôn
nhân thành công.

The bridegroom and the
bride pray to the deceased
and to the ancestors,
wishing for the best of luck
for their marriage.





Na svatebních fotografiích
byste častokrát novomanžele
ani nepoznali.

Nhiều khi bạn sẽ không
nhận ra cô dâu chú rể trên
ảnh cưới của họ.

The happy couple
is sometimes hardly
recognisable in their
wedding photos.

Pohřeb

Jak to chodí ve Vietnamu

Vietnamci nejsou moc výřečný národ, natož aby mluvili o svých citech. Výjimkou jsou ale pohřby (Đám tang), při kterých se loučení se zesnulým protáhne na několik dní.

Ve Vietnamu je barvou smrti bílá, proto blízká rodina zemřelého nosí bílé šátky okolo hlavy. Smrt je pro Vietnamce smutná záležitost, ale strach z ní nemívají. Je pro ně ale důležité, aby byli pochováni vedle svých předků, ať za života pobývali kdekoli.

Většina Vietnamců také věří na „svoje čísla“, která jim určují osud. Lze z nich vyčíst nejen den smrti, ale i šťastné roky, správné datum svatby, narození dítěte a podobně.

Příběh z Česka

Sice žiji v Česku, ale ve Vietnamu už mám koupené místo na hřbitově. Chci ležet vedle svého otce. Na stejném hřbitově u rýžového pole, kde je vedle sebe pohřben každý zesnulý z mé rodiny.

Lieu, 53 let

Đám tang

Ở Việt Nam

Người Việt Nam không phải là dạng người thích hùng biện, chứ đừng nói đến chia sẻ cảm xúc của họ. Đám tang là một ngoại lệ, thời gian chia tay người đã mất có thể kéo dài vài ngày.

Ở Việt Nam màu trắng tượng trưng cho cái chết, vì thế gia đình, người thân đưa tang đeo khăn tang màu trắng quanh đầu. Đối với người Việt cái chết là điều đáng buồn, nhưng họ lại không sợ chết. Điều quan trọng là họ phải được chôn cất bên cạnh tổ tiên của mình, cho dù họ đã từng sống ở bất kỳ nơi đâu.

Đa số người Việt Nam tin vào “số” mình, vì chúng quyết định số phận của họ. Bạn không những có thể xem được ngày chết của mình, mà còn có thể bói được cả năm gặp chuyện vui, ngày cưới, ngày sinh con và v.v.

Câu chuyện từ Cộng hòa Séc

Mặc dù tôi sống ở Séc, nhưng tôi đã mua sẵn ở Việt Nam chỗ nằm ở nghĩa trang rồi. Tôi muốn nằm cạnh bố tôi, ở cùng nghĩa địa cạnh cánh đồng lúa, nơi tất cả những người quá cố từ gia đình tôi được chôn cất cạnh nhau.

Liểu, 53 tuổi

Funeral

The Vietnamese way

The Vietnamese are not a very talkative nation, and they don't wear their hearts on their sleeves. Funerals (Đám tang) are an exception – parting with the deceased lasts several days.

In Vietnam, the colour of death is white. This is why the closest family of the deceased wrap white scarves around their heads. Death is sad for the Vietnamese, but they don't usually fear it. What matters to them though is to be buried next to their ancestors, regardless of where they spent their lives.

Most Vietnamese also believe in numbers foretelling one's destiny. They predict such things as the day of one's death but also happy years, the right date for a wedding and childbirth.

A story from Czechia

I live in the Czech Republic, but I have already bought a place in a cemetery in Vietnam. I want to be buried next to my father. At the same cemetery next to the rice field where all the deceased members of my family lie.

Liều, 53

Slovníček vietnamštiny

Bàn thờ — oltář, u kterého se Vietnamci modlí 1. a 15. den v měsíci lunárního kalendáře. Součástí ceremonie je podělení se zesnulým o ovoce. Při větších oslavách, jako je Nový lunární rok nebo výročí smrti, se Vietnamci se zesnulým dělí o celý pokrm.

Thăm viếng mộ — složitá ceremonie, která provází pohřeb zesnulého. Probíhá i několik let, vždy v den výročí smrti, a patří k ní pálení papírových domů, aut, oblečení a podobně, aby zesnulý měl i po smrti střechu nad hlavou, dopravní prostředek i něco na sebe. Mladší Vietnamci častokrát nevědí, jaký je přesný postup, a chodí si pro rady ke starším.

Từ điển tiếng Việt

Bàn thờ — nơi, người Việt Nam cầu nguyện ngày mùng 1 và 15 âm lịch hàng tháng. Một phần của nghi thức này là đặt những đĩa hoa quả lên bàn thờ để mời tổ tiên ăn cùng. Trong những dịp quan trọng hơn như Tết Nguyên Đán hoặc ngày giỗ, người Việt sẽ đặt lên bàn thờ tất cả các món ăn.

Thăm viếng mộ — một nghi thức phức tạp đi kèm với tang lễ của người quá cố. Nghi thức này luôn diễn ra vào ngày giỗ và có thể diễn ra trong vòng nhiều năm. Nghi thức này bao gồm việc đốt nhà, xe, quần áo, v.v. tất cả được làm bằng giấy, để cho người đã khuất có nhà để ở, xe để đi và cả quần áo để mặc nữa. Nhiều khi những người Việt trẻ không biết phải làm cụ thể những gì nên họ luôn tìm đến người lớn tuổi hơn để hỏi.

A bit of Vietnamese

Bàn thờ — the home altar at which the Vietnamese pray on the 1st and 15th day of the lunar month. The ceremony includes sharing fruits with the deceased. On the occasion of important festivities such as the Lunar New Year or death anniversary, the Vietnamese share a whole meal with the deceased.

Thăm viếng mộ — the complex funeral ceremony. It is performed on each death anniversary for several years in a row, it includes the burning of paper houses, cars and clothes, so that the deceased has a roof over their head, a means of transport and something to wear. Many young Vietnamese do not know the procedure very well and seek advice from elderly people.

První dny může zesnulého u jeho smrtelné postele navštívit kdokoli. Postel leží v místnosti, která je ozdobená květinami a zlatými prvky.

Trong những ngày đầu tiên, bất cứ ai cũng có thể đến thăm người đã mất trên giường chết. Giường nằm ở trong căn phòng được trang trí bằng hoa và đồ trang trí màu vàng.

In the first few days, anyone may pay a visit to the deceased on their death bed. The bed is placed in a room decorated with gold and flowers.





V den, kdy se rakev ukládá do země, se koná průvod s rakví od domova zesnulého až na hřbitov. Poslední v průvodu jdou vždy nejbližší pozůstalí, kteří svým hlasitým pláčem uctívají zesnulého. V některých rodinách se dokonce najímají falešní plačící. Má to opodstatnění. Rodina je již často emočně vyčerpána a není schopna hlasitého pláče. Plačky se najímají i proto, aby odcházející duše slyšela smutek pozůstalých.

Vào ngày quan tài được chôn xuống dưới đất, người Việt sẽ chuyển quan tài từ nơi khâm liệm đến nơi chôn cất. Người cuối cùng trong lễ đưa tang luôn luôn là người thân với tiếng khóc rất to của họ để tôn thờ người đã mất. Một số gia đình còn thuê người khóc mướn. Điều này có lý do hợp lý. Gia đình của người khuất thường đã rất cạn kiệt về mặt cảm xúc cho nên không thể khóc to được nữa. Những người khóc mướn này còn được thuê để cho linh hồn của người đã mất có thể nghe thấy được nỗi buồn của người ở lại.

On the day of the burial, a procession accompanies the coffin from the deceased person's house to the cemetery. The last ones in the procession are always the closest relatives paying their last respects to the deceased by weeping loudly. Some families even hire weepers. There is a reason for this. The family is often emotionally exhausted at this point and are not able to weep loudly. Another reason to hire weepers is to make sure the departing soul will hear the grief of those left behind.

Každá domácnost má oltář, na kterém jsou fotky zesnulých, vonné tyčinky na modlení, papírové peníze a květiny.

Gia đình nào cũng có bàn thờ, ở trên đó có bức ảnh của người đã mất, nhang hương dùng để thắp hương, tiền giấy và hoa.

In every household there is an altar with photos of the deceased, incense sticks, banknotes and flowers.





Výročí smrti je pro Vietnamce velmi důležité. Nejstarší potomek zesnulého musí například odjet do Vietnamu, ať žije kdekoli, a obstarat celou ceremonii.

Đối với người Việt Nam ngày giỗ rất quan trọng. Nhiều khi con trưởng phải về Việt Nam dù sống ở bất kỳ nơi đâu, để lo tất cả mọi thứ cho ngày giỗ.

A death anniversary is a very important moment for the Vietnamese. For example, the eldest descendant of the deceased must go to Vietnam from wherever they may live, to arrange the ceremony.

Vietnamci se o svátcích vždy dělí o svůj pokrm se zesnulými. Na oltáři jsou jídla ochuzena o tradiční vietnamskou rybí omáčku (nước mắm). K ochucení se dává zesnulým sůl a pepř. K zapití se jim podává panák vodky a kalíšek s vodou.

Vào dịp lễ người Việt Nam luôn luôn chia sẻ các món ăn của mình với người đã khuất. Họ không bao giờ cho nước mắm lên bàn thờ mà thay vào đó họ sẽ cho muối và hạt tiêu. Còn đồ uống người ta cho rượu trắng và nước lọc.

During festive days, the Vietnamese always share their meal with the deceased. The meals to be placed at the altar do not include the traditional Vietnamese fish sauce (nước mắm). Instead, the deceased receive salt and pepper to season their meal, a shot of vodka and a cup of water.





Kromě tradiční polévky (phở) Vietnamci vaří i rybí polévku, polévku s rýžovými nudlemi a masovými kuličkami, krabí polévku a další. Ve Vietnamu se dokonce jí polévka Thap Cam, která je složená z vícero druhů polévek.

Ngoài món phở truyền thống người Việt Nam còn nấu cả món bún cá với thịt viên, canh riêu cua và nhiều món khác. Ở Việt Nam còn có món canh thập cẩm bao gồm nhiều món canh khác nhau.

Besides the traditional phở soup, the meal consists of fish soup, soup with rice noodles and meat balls, crab soup and much more. The special Thap Cam soup is a combination of several kinds of soup.

Autor fotografií

Jindřich Štreit se narodil v roce 1946 ve Vsetíně. Vystudoval Pedagogickou fakultu Univerzity Palackého v Olomouci a již během studia se věnoval fotografování, ke kterému ho vedl jeho otec. První samostatnou výstavu uskutečnil v roce 1967 a o deset let později se stal absolventem Školy výtvarné fotografie v Brně.

Počátkem 80. let se zúčastnil nepovolené výstavy neoficiálních výtvarných umělců na tenisových kurtech v Praze, která vzbudila pozornost tajné policie. Byl vzat do vyšetřovací vazby a odsouzen k trestu odnětí svobody v délce deseti měsíců s podmíněným odkladem na dva roky.

Tác giả của những bức ảnh

Jindřich Štreit sinh năm 1946 tại thành phố Vsetín. Ông tốt nghiệp khoa sư phạm tại trường đại học tổng hợp Palackého tại Olomouc và trong quá trình học ông đã dành thời gian cho việc nhiếp ảnh dưới sự chỉ đạo của cha mình. Ông đã tổ chức triển lãm đầu tiên của mình năm 1967 và mười năm sau ông tốt nghiệp trường Nhiếp ảnh mỹ thuật tại Brno.

Đầu những năm 80 ông đã tham gia cuộc triển lãm trái phép của các nghệ sĩ không chính thức được tổ chức tại các sân chơi tennis ở Praha. Cuộc triển lãm này đã thu hút sự chú ý của mật vụ. Ông đã bị tạm giam và kết án 10 tháng tù giam với 2 năm treo án.

Sau khi ra tù ông không được phép dạy học. Do đó, ông dành nhiều thời gian hơn cho các hoạt động

The Photographer

Jindřich Štreit was born in 1946 in Vsetín in Moravia in the Czech Republic. He graduated from the Faculty of Education at Palacký University, Olomouc. Inspired by his father, he had already discovered photography during his studies. His first solo exhibition took place in 1967; ten years later, Štreit graduated from the School of Art Photography in Brno.

In the early 1980s, he participated in an illegal exhibition of underground artists at a tennis court in Prague, which attracted the attention of the secret police. He was placed in custody and sentenced to ten months in prison suspended for two years.

After his release, Jindřich Štreit was forbidden to work as a teacher. This shifted his focus even

Po propuštění z vězení nesměl Jindřich Štreit učit. Ještě intenzivněji se tedy věnoval kulturní činnosti a fotografování. Po revoluci začal působit již jako samostatný fotograf.

V letech 1991–2003 vyučoval na FAMU v Praze, kde se také v roce 2000 habilitoval a stal se docentem pro obor fotografie. O devět let později získal i profesuru na Vysoké škole uměleckoprůmyslové v Praze. V současnosti vyučuje na Institutu tvůrčí fotografie Filozoficko-přírodovědecké fakulty Slezské univerzity v Opavě.

Jindřich Štreit dlouhodobě pracuje na dokumentárních projektech jak v České republice

(Ženská věznice, Lidé olomouckého kraje, Cesta ke svobodě a další), tak i ve světě (Francie, Anglie, Brazílie, Moldávie, Rusko...). V současné době dokončuje soubor Prozřetelnost Boží o životě šenovské farnosti a pracuje na souboru Kde domov můj?

Připravil více než tisíc sto autorských výstav a mnoha kolektivních se zúčastnil. Vydal třicet knih a mnoho katalogů. Je zastoupen v nejvýznamnějších sbírkách – MOMA New York, Národní galerie Washington, Uměleckoprůmyslové museum v Praze, Moravská galerie v Brně a v mnoha dalších.

văn hoá và nhiếp ảnh. Sau cuộc cách mạng ông bắt đầu làm việc như một nhiếp ảnh gia tự do.

Vào những năm 1991–2003 ông giảng dạy tại FAMU (Khoa Điện ảnh và Truyền hình của Học viện Nghệ thuật biểu diễn) tại Praha, nơi ông trở thành phó giáo sư nhiếp ảnh năm 2000. 9 năm sau ông trở thành giáo sư tại Trường đại học Nghệ thuật Kiến trúc và Thiết kế tại Praha. Hiện tại ông giảng dạy tại Học viện Nhiếp ảnh sáng tạo, khoa Triết học và Khoa học trường đại học Slezská ở thành phố Opava.

Jindřich Štreit đã từ lâu làm việc cho các dự án phim tài liệu của Cộng hòa Séc (Nhà tù nữ, Con người vùng Olomouc, Con đường dẫn đến tự do,... v.v.)

và nhiều nước khác trên thế giới (Pháp, Anh, Brazil, Moldova, Nga,...) Hiện tại ông đang hoàn thành Bộ ảnh Prozřetelnost Boží o životě šenovské farnosti (tạm dịch là Sự ảnh hưởng của Thiên Chúa về cuộc sống Giáo xứ Šenov) và Bộ ảnh Kde domov můj (tạm dịch là Quê hương tôi ở đâu).

Ông đã chuẩn bị hơn 1100 buổi triển lãm cá nhân và đã tham gia rất nhiều cuộc triển lãm tập thể. Ông đã xuất bản 30 quyển sách và vô số cuốn catalogue. Ông đóng góp trong nhiều bộ sưu tập rất ý nghĩa – MOMA New York, Phòng triển lãm quốc gia Washington, Bảo tàng Nghệ thuật Ứng dụng tại Praha, Phòng triển lãm Moravia ở Brno và nhiều nơi khác.

more to culture and photography. After the Velvet Revolution in 1989, he started working as an independent photographer.

Between 1991 and 2003, he taught at the Film and TV School within the Academy of Performing Arts in Prague (FAMU), in 2000 he was awarded a higher doctorate and became a senior lecturer of photography. Nine years later, he became professor at the Academy of Arts, Architecture & Design in Prague. He currently teaches at the Institute of Creative Photography at the Arts and Sciences Faculty of the Silesian University, Opava.

His long-term projects include documentary photography in the Czech Republic

(The Women's Prison, People of the Olomouc Region, The Road Towards Freedom and many others) as well as abroad (France, Great Britain, Brasil, Moldova, Russia...). Jindřich Štreit is currently finalising a project entitled Divine Providence in the Life of the Šenov Parish, and is working on the Where is My Home project.

He has organised over 1100 solo exhibitions and participated in many collective ones. He authored thirty books and a significant number of catalogues. His works are represented in major collections such as MOMA New York, the National Gallery of Art in Washington, The Museum of Decorative Arts in Prague, Moravian Gallery in Brno and many others.

Projekt MIND

Projekt Migration/Interconnectedness/Development neboli MIND realizuje Charita Česká republika. V rámci tohoto projektu se partnerské organizace v jedenácti zemích napříč Evropou snaží rozšířit povědomí o rozvojové pomoci a o jejím propojení s migrací. Zaměřují se na boření předsudků a mýtů, které se této problematiky týkají, a to z různých úhlů pohledu.

Prostřednictvím výstav, panelových diskusí, kulatých stolů či „živých knihoven“ se veřejnost může seznámit s životními příběhy konkrétních lidí, kteří často

Dự án MIND

Dự án Migration/Interconnectedness/Development (tạm dịch là Di cư/Liên kết/Phát triển) hay còn gọi là MIND được thực hiện bởi Charita Česká republika (tạm dịch là Từ thiện Cộng hòa Séc). Trong khuôn khổ của dự án các tổ chức đối tác ở 11 quốc gia trên khắp Châu Âu đang cố gắng nâng cao nhận thức về sự hỗ trợ các nước đang phát triển và liên kết với di cư. Họ đang tập trung vào việc phá bỏ các định kiến và truyện huyền thoại liên quan đến vấn đề này từ nhiều góc độ khác nhau.

Thông qua các cuộc triển lãm, buổi thảo luận, bàn tròn hay “thư viện sống” công chúng có thể làm

The MIND Project

The Migration/Interconnectedness/Development (MIND) Project is carried out by Caritas Czech Republic (Charita Česká republika). The partner organisations in eleven countries throughout Europe aim at raising awareness of development aid and its interconnectedness with migration. The main focus lies in challenging prejudice and myths from various perspectives.

Through exhibitions, panel discussions, round tables or the Living Library project, the public hear the life stories of various people, many of whom were left

neměli ve volbě migrace na výběr. Může nahlédnout do lidských domovů a pochopit různé důvody k jejich opuštění.

Cílem projektu MIND je přinášet veřejnosti širší porozumění tomu, proč se lidé stěhují z jednoho místa na druhé a jakou roli v tom hraje absence udržitelného rozvoje. Snaží se poukazovat na skutečnost, že migrace je přirozená součást našich životů a měla by být vnímána spíše jako příležitost než jako hrozba. Za všech okolností by však mělo jít o dobrovolný krok, nikoli o odchod vynucený válkou,

přírodními katastrofami, ekologickými změnami, hladomory, chudobou nebo politickým, etnickým či náboženským pronásledováním.

Proto se MIND snaží ve veřejnosti probouzet zájem o problematiku rozvojové spolupráce. Aby se dařilo plnit nastavené cíle udržitelného rozvoje OSN (SDG's) a migrace se v dlouhodobém měřítku skutečně mohla stát svobodnou volbou.

quen với câu chuyện cuộc đời của mỗi cá nhân, nhiều trường hợp họ không được tự lựa chọn nơi mình đến. Các bạn có thể nhìn vào nơi họ sinh sống để hiểu ra các lý do khác nhau dẫn đến việc họ phải rời đi.

Mục đích của dự án MIND là mang đến cho công chúng sự hiểu biết rộng hơn về việc tại sao con người lại chuyển nhà từ nơi này sang nơi khác và sự vắng mặt của việc phát triển bền vững đóng vai trò như thế nào. Dự án cố gắng chỉ ra là trên thực tế, việc di cư đóng vai trò tự nhiên trong cuộc sống của chúng ta và nên được coi là một cơ hội chứ

không phải là một mối đe dọa. Trong mọi trường hợp việc di cư nên là một bước đi tình nguyện, chứ không phải là sự ra đi bắt buộc bởi chiến tranh, thiên tai, thay đổi môi trường, nạn nghèo đói hoặc do chính trị, sự ngược đãi các dân tộc và tôn giáo.

Vì thế MIND đang cố gắng khơi dậy sự quan tâm của công chúng trong vấn đề hợp tác phát triển. Để thực hiện các mục tiêu đề ra bởi Liên Hợp Quốc về việc phát triển bền vững và để việc di cư trong thời gian dài có thể thực sự trở thành sự lựa chọn tự do.

with no other choice than migration. The project offers a glance into people's homes, enabling the viewers to understand the reasons that lead these people to leave their home countries.

The aim of the MIND Project is to help the public understand why people move from one place to another, and how migration is influenced by the absence of sustainable development. The project aims to highlight the fact that migration is a natural part of our lives and should be considered as an opportunity, not a threat. However, migration

should always be a free choice; it must not be forced on people by war, natural disasters, ecological changes, famine, poverty or political, ethnic or religious persecution.

This is why the MIND project aims at raising the public's interest in development cooperation in order to meet the UN's sustainable development goals (SDG's) and to make sure that in the long term, migration is always a free choice.

Zdroje

Tài liệu tham khảo

Bibliography

Autorka Eva Cao Thi čerpala inspiraci ze své osobní zkušenosti a níže uvedených zdrojů.

FREIDINGEROVÁ, Tereza (2014). Vietnamci v Česku a ve světě: migrační a adaptační tendence. Praha: Sociologické nakladatelství (SLON) v koedici s Přírodovědeckou fakultou Univerzity Karlovy Praha, 2014. Studie (Sociologické nakladatelství). ISBN 9788074191749

VASILJEV, I (2006). Dynamika národních tradic a vlivů nového prostředí v životě vietnamské komunity v České republice. IN: Kocourek, J., Pechová, E. (eds.). S vietnamskými dětmi na českých školách. H&H, Praha.

WORLD BANK (2018). Personal remittances, received (% of GDP) — Vietnam. (<https://bit.ly/3gJ2oqQ>)

ČESKÝ STATISTICKÝ ÚŘAD (2019). Demografické události cizinců — datové údaje. (<https://bit.ly/2AJfeWF>)

Tác giả Eva Cao Thị lấy cảm hứng từ những kinh nghiệm cá nhân và từ các tài liệu tham khảo dưới đây.

FREIDINGEROVÁ, Tereza (2014). Vietnamci v Česku a ve světě: migrační a adaptační tendence. Praha: Sociologické nakladatelství (SLON) v koedici s Přírodovědeckou fakultou Univerzity Karlovy Praha, 2014. Studie (Sociologické nakladatelství). ISBN 9788074191749

VASILJEV, I (2006). Dynamika národních tradic a vlivů nového prostředí v životě vietnamské komunity v České republice. IN: Kocourek, J., Pechová, E. (eds.). S vietnamskými dětmi na českých školách. H&H, Praha.

WORLD BANK (2018). Personal remittances, received (% of GDP) — Vietnam. (<https://bit.ly/3gJ2oqQ>)

ČESKÝ STATISTICKÝ ÚŘAD (2019). Demografické události cizinců — datové údaje. (<https://bit.ly/2AJfeWF>)

The author Eva Cao Thi has drawn inspiration from her personal experience as well as from the sources below.

FREIDINGEROVÁ, Tereza (2014). Vietnamci v Česku a ve světě: migrační a adaptační tendence. Praha: Sociologické nakladatelství (SLON) v koedici s Přírodovědeckou fakultou Univerzity Karlovy Praha, 2014. Studie (Sociologické nakladatelství). ISBN 9788074191749

VASILJEV, I (2006). Dynamika národních tradic a vlivů nového prostředí v životě vietnamské komunity v České republice. IN: Kocourek, J., Pechová, E. (eds.). S vietnamskými dětmi na českých školách. H&H, Praha.

WORLD BANK (2018). Personal remittances, received (% of GDP) — Vietnam. (<https://bit.ly/3gJ2oqQ>)

ČESKÝ STATISTICKÝ ÚŘAD (2019). Demografické události cizinců — datové údaje. (<https://bit.ly/2AJfeWF>)

Fotografie — **Jindřich Štreit**
Zprostředkování kontaktů — **Hiệp Dương Chi**
Výběr fotografií a koordinace — **Lenka Reiterová**
Postprodukce a tisk fotografií — **Martin Navrátil**
Technické zázemí a citlivé vnímání souvislostí — **Jiří Dostál**
Koncepce katalogu a texty — **Eva Cao Thi**
Konzultace — **Tereza Freidingerová, Do Thu Trang**
Stylistická úprava — **Lucie Pflimpfelová**
Jazyková korektura — **Soňa Čapková**
Překlad do vietnamštiny — **Quỳnh Anh Nguyenová**
Překlad do angličtiny — **Marie Příbylová**
Grafický návrh — **Studio Divize**
Tisk a výroba — **Reformát**
Rok vydání — **2020**

Ảnh — **Jindřich Štreit**
Trung gian liên lạc — **Hiệp Dương Chi**
Chọn lọc ảnh và phối hợp — **Lenka Reiterová**
Hậu sản xuất và in ảnh — **Martin Navrátil**
Kỹ thuật và tri giác nhạy cảm về bối cảnh — **Jiří Dostál**
Thiết kế danh mục và văn bản — **Eva Cao Thi**
Tư vấn — **Tereza Freidingerová, Do Thu Trang**
Điều chỉnh phong cách viết — **Lucie Pflimpfelová**
Sửa lỗi ngôn ngữ — **Soňa Čapková**
Dịch sang tiếng Việt — **Quỳnh Anh Nguyenová**
Dịch sang tiếng Anh — **Marie Příbylová**
Thiết kế đồ họa — **Studio Divize**
In và sản xuất — **Reformát**
Năm sản xuất — **2020**

Photographer — **Jindřich Štreit**
Interviews organised by — **Hiệp Dương Chi**
Selection of photographs, coordination — **Lenka Reiterová**
Postproduction, printing of photographs — **Martin Navrátil**
Technical expertise and sensitive understanding of the context — **Jiří Dostál**
Catalogue design, cover texts — **Eva Cao Thi**
Consultant — **Tereza Freidingerová, Do Thu Trang**
Stylistic editing — **Lucie Pflimpfelová**
Proofreading — **Soňa Čapková**
Translation into Vietnamese — **Quỳnh Anh Nguyenová**
Translation into English — **Marie Příbylová**
Graphic design — **Studio Divize**
Print & production — **Reformát**
Year of publication — **2020**



Tato publikace vznikla v rámci projektu MIND financovaného z programu Evropské unie. Informace v ní obsažené nemusí nutně odrážet postoj či názor Evropské unie.

Triển lãm này được hình thành bởi dự án MIND do chương trình của Liên Minh Châu Âu tài trợ. Mọi thông tin trong ấn phẩm này không nhất thiết phản ánh lại quan điểm hay ý kiến của Liên Minh Châu Âu.

This catalog was produced with the financial support of the European Union. Its content is the sole responsibility of Caritas Czech Republic and does not necessarily reflect the views of the European Union.